

Bản án số: 58/2022/DS-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v “Tranh chấp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Đức Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng

- **Thư ký phiên tòa:** bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2021/TLST-DS ngày 22/12/2021 về việc “*Tranh chấp hui*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐST - DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2022/QĐST - DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị B sinh năm 1983; địa chỉ: ấp 2, xã Đ, huyện G, tỉnh B (có mặt);

2. *Bị đơn:* chị Đặng Ngọc P sinh năm 1979; địa chỉ: ấp 3, xã Đ, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Vào ngày 10 tháng 8 năm 2018 (âm lịch), chị có tham gia một phần hui tháng 1.000.000 đồng do chị P làm chủ hui. Hui mở ngày 10 (âm lịch) hàng tháng và có 32 phần, ngày mần hui là ngày 10/3/2021 (âm lịch). Việc tham gia góp hui, hai bên chỉ giao kết bằng lời nói, nhưng chị P có giao cho chị bản photo danh sách hui viên trong đó số thứ tự của chị là (25) với tên là “Biên”. Sau khi tham gia, từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 4 (sau) năm 2020, chị góp được 22 lần với tổng số tiền thực tế là

19.650.000 đồng. Đến tháng 5/2020 (âm lịch), chị P xả hội, đồng ý trả lại cho chị số tiền hội đã góp cho 22 lần là 22.000.000 đồng. Sau khi hai bên thỏa thuận trừ số tiền 2.000.000 đồng mẹ chị nợ chị P, chị P hứa sẽ trả cho chị số tiền nợ hội còn lại là 20.000.000 đồng sau 6 tháng (tháng 10/2020). Tuy nhiên khi đến hạn, mặc dù chị nhiều lần yêu cầu nhưng chị P vẫn không có thiện chí và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do đó chị khởi kiện yêu cầu chị P trả lại cho chị số tiền nợ hội là 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị B giữ nguyên trình bày, yêu cầu.

Chị Đặng Ngọc P vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: Sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo đúng quy định. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Do bị đơn vắng mặt hai lần nên Tòa án lập biên bản không hòa giải được. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành các hoạt động tố tụng theo đúng quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa đã thực hiện các công việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và các nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định. Nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không tham gia phiên tòa... Như vậy, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại khoản 16, 17 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Vi phạm của bị đơn có ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nhưng không lớn nên không cần thiết phải xử lý.

- Về nội dung: xét thấy chị B nộp cho Tòa án bản photo giấy ghi hội (BL 04), không có công chứng, chứng thực, theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự thì giấy ghi hội cho chị B cung cấp không có giá trị pháp lý để chứng minh nên không được xem là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án. Chị B cung cấp biên bản hòa giải ngày 15/10/2021 và biên bản hòa giải ngày 20/10/2021 (BL 07 – 10), do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G tiến hành hòa giải, nội dung ghi ý kiến của chị P trình bày chị B có chơi hội của chị P, chị P có trả tiền cho chị B ba lần 12.000.000 đồng, trừ tiền mẹ của chị B thiếu 2.000.000 đồng, tổng cộng là 14.000.000 đồng. Cả hai biên bản đều không có chữ ký, chữ viết của chị P. Tòa án tiến hành xác minh (BL 14), những người tham gia hòa giải vào ngày 15/10/2021 và 20/10/2021 trình bày trong buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, chị P thừa nhận chị B có tham gia chơi dây hội mở ngày 10/8/2018 âm lịch, hội 1.000.000 đồng do chị P làm chủ hội; chị P thừa nhận tháng 5/2020 chị P tuyên bố vỡ hội, từ ngày mở hội đến

ngày vỡ hụi, chị B đóng tiền đầy đủ cho chị P; chị P thừa nhận nợ chị B số tiền 22.000.000 đồng, chị P cho rằng đã trả tiền cho chị B nhưng không có giấy tờ chứng minh. Tuy nhiên, lời trình bày của những người này không phù hợp với nội dung thể hiện trong hai biên bản hòa giải vào các ngày 15/10/2021, 20/10/2021 nên không có cơ sở xác định chị B có tham gia chơi hụi do chị P làm chủ, chị P còn nợ chị B số tiền 22.000.000 đồng, trừ số tiền 2.000.000 đồng mẹ chị B nợ chị P, số tiền chị P còn nợ chị B là 20.000.000 đồng. Do đó việc chị B khởi kiện chị P yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc yêu cầu chị P trả số tiền nợ hụi là 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: chị Đặng Ngọc P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu bị đơn chị Đặng Ngọc P trả số tiền hụi 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Theo trình bày của chị B, vào ngày 10/8/2018 (âm lịch), chị có tham gia một phần hụi tháng 1.000.000 đồng do chị P làm chủ; đây là loại hụi có lãi; chị đã góp được 22 lần với tổng số tiền là 19.650.000 đồng; chị P thừa nhận nợ chị số tiền 22.000.000 đồng, sau khi khấu trừ 2.000.000 đồng do mẹ chị nợ chị P, còn lại là 20.000.000 đồng và cam kết trả cho chị số tiền trên sau 6 tháng kể từ ngày tuyên bố vỡ hụi (tháng 5/2020). Tuy nhiên, chị B không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho trình bày trên. Bản photo danh sách hụi viên do chị B cung cấp cho Tòa án và cho rằng do chị P giao cho từng hụi viên khi tham gia đây hụi không có giá trị để được xem là chứng cứ theo quy định pháp luật (BL 04). Trong khi đó, chị P không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa và không cung cấp lời khai thừa nhận sự việc trên.

[2] Về kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, Hội đồng xét xử xét thấy. Mặc dù thành viên Hội đồng hòa giải xã xác nhận vụ việc tranh chấp hụi giữa chị B – chị P được UBND xã tổ chức hòa giải hai lần vào các ngày 15/10/2021, 20/10/2021. Trong buổi hòa giải vào ngày 15/10/2021, chị P thừa nhận chị B có tham gia một phần hụi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 10/8/2018 âm lịch, có góp hụi 22 lần cho chị P; chị P xác nhận có nợ chị B tiền hụi là 22.000.000 đồng nhưng cho rằng đã trả được ba lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng, 2.000.000 đồng mẹ chị B nợ, tổng cộng là 14.000.000 đồng. Tuy nhiên, xác nhận trên của thành viên Hội đồng hòa giải xã Đ lại không phù hợp với những nội dung đã được ghi nhận

trong hai biên bản hòa giải được lập vào các ngày 15/10/2021, 20/10/2021 tại UBND xã Đ do nguyên đơn chị B cung cấp cho Tòa án nên không có cơ sở để xem xét cho yêu cầu khởi kiện của chị B. Bởi hai biên bản hòa giải trên đều ghi nhận đây hạn 1.000.000 đồng hai bên tranh chấp và đang được tổ chức hòa giải tại UBND xã Đ được mở vào ngày 20/8/2018 (BL); kết thúc biên bản cả hai lần đều không có chữ ký xác nhận của chị P, trong khi đó biên bản không ghi nhận được cụ thể trình bày của hai bên đương sự, nhất là trình bày của chị P lại không được ghi nhận rõ ràng, nội dung khó hiểu, mâu thuẫn nhau (BL 07 - 10).

[3] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị B là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 471 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí DS-ST có giá ngạch 5%: do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên chị B phải nộp số tiền án phí (20.000.000đ x 5%) là 1.000.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về việc yêu cầu chị Đặng Ngọc P trả cho chị B số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: buộc chị Nguyễn Thị B phải nộp số tiền là 1.000.000đ (một triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002243 ngày 21/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, chị B còn phải nộp thêm số tiền là 450.000đ (bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh B;*
- *VKSND huyện G;*
- *THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Đức Tâm Nguyễn Thị Ngọc P Đặng Thị Ngọc Duyên